TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1411/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Tuyết

Ông Trần Thạnh Hưng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Phương, thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Hải Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 787/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2113/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị L_1; cư trú tại: Đường số A, Phường B, quậnC, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Thái Văn C; cư trú tại: Đường số A, Phường B, quậnC, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 6 năm 2017, quá trình giải quyết và xét xử vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L_1 trình bày: Bà và ông Thái Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Nghệ An vào ngày 18/11/1999. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn do ông C không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng không hợp tính tình, không tìm được tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân, thường xuyên gây gổ, đánh nhau. Ông bà cố gắng giải tỏa mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm

nhưng không có kết quả, ông bà đã sống riêng, không còn quan tâm đến nhau từ tháng 5/2017 cho đến nay. Bà chung sống với ông C không hạnh phúc nên khởi kiện yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông C

Về con chung: Bà yêu cầu nuôi 02 con chung tên Thái Nguyễn Hồng N, sinh ngày 26/10/2000 và Thái Nguyễn Trúc L_2, sinh ngày 12/8/2008. Bà và ông C tự thực hiện cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu chia tài sản khi ly hôn.

Bà L_1 nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 325, ngày 18/11/1999 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Nghệ An; chứng minh nhân dân và hộ khẩu của bà L_1; giấy khai sinh của trẻ N và trẻ L_2; đơn xin xác nhận tạm trú của bà L_1.

2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho ông C và triệu tập ông C đến Tòa án để ghi nhận ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông C vắng mặt. Sau đó, Tòa án tống đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông C nhưng ông C không đến Tòa, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và cũng không có ý kiến về các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy trong thời gian chung sống, bà L_1 và ông C xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất hòa do sự khác biệt trong suy nghĩ, lối sống và cách cư xử. Vợ chồng thiếu sự thông cảm, thương yêu, ít quan tâm đến nhau, hiện nay đã sống ly thân. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, ông C đã không quan tâm đến cuộc sống gia đình, bỏ đi đâu không rõ. Do vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận theo Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Bà L_1 yêu cầu nuôi 02 con chung tên Thái Nguyễn Hồng N, sinh ngày 26/10/2000 và Thái Nguyễn Trúc L_2, sinh ngày 12/8/2008. Bà L_1 không yêu cầu ông C cấp dưỡng. Trong bản tự khai trẻ N, trẻ L_2 mong muốn được ở với mẹ nên bà L_1 yêu cầu nuôi 02 con là có căn cứ để chấp nhận theo Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung: Bà L_1 không yêu cầu chia tài sản khi ly hôn nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà L_1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông C, đây là tranh chấp về ly hôn. Ông C cư trú tại quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông C tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông C vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà L_1 và ông C là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà L_1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bà L_1 yêu cầu ly hôn vì ông C không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng không hợp tính tình, không tìm được tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân, thường xuyên gây gổ, đánh nhau điều này thể hiện hôn nhân giữa ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã triệu tập ông C tham gia phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà L_1 và ông C hàn gắn đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng ông C không đến Tòa, không có thiện chí giải tỏa mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà L_1.

Kết quả xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/7/2017 thể hiện: Hiện tại, bà L_1 đang thuê phòng trọ buôn bán tạp hóa, giữ 02 đứa trẻ có thu nhập từ 7.000.0000 đồng đến 7.500.000 đồng, nuôi 02 con học lớp 3 và lớp 12, cuộc sống ổn định. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra do ông Chung không chăm lo cho con, ông C không ở

tại căn nhà Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 5/2017 cho đến nay và không quan tâm đến cuộc sống gia đình.

Từ các cơ sở nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về người trực tiếp nuôi con: Hiện nay, bà L_1 đang trực tiếp nuôi trẻ N và trẻ L_2. Để ổn định tinh thần và cuộc sống cho trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L_1, giao cho bà L_1 trực tiếp nuôi trẻ N và trẻ L_2.

[4] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Bà L_1 không yêu cấu ông C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà L_1 không yêu cầu chia tài sản khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà L_1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L_1 được ly hôn với ông Thái Văn C.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 325, ngày 18/11/1999 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Nghệ An hết hiệu lực.

2. Về con chung: Giao cho bà L_1 trực tiếp nuôi trẻ Thái Nguyễn Hồng N, sinh ngày 26/10/2000 và Thái Nguyễn Trúc L_2, sinh ngày 12/8/2008 đến tuổi trưởng thành. Bà L_1 và ông C tự thực hiện cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà L_1 không yêu cầu chia tài sản khi ly hôn.

4. Về án phí: Bà L_1 phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0018768 ngày 14/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L_1 đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Ủy ban nhân dân xã Liên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Hồng Đào